

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**VŨ THỊ THU HẰNG**

**VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ ĐỐI VỚI  
VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI**

**Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS**

**Mã số : 62 22 30 02**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TRIẾT HỌC**

**HÀ NỘI – 2016**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. TS Chu Văn Tuấn**

**2. PGS.TS Nguyễn Minh Phương**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở họp tại**

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Phòng ..... tầng ..... số 477 Thanh Xuân, Hà Nội**

*Vào hồi.... h ... ngày..... tháng năm 2016*

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhìn lại quá trình phát triển xã hội những năm gần đây, cùng với sự xâm nhập của nền văn minh công nghiệp, quyền lực kinh tế và quá trình dân chủ hóa xã hội, quyền con người đang nổi lên như một vấn đề toàn cầu, được cộng đồng quốc tế và các quốc gia không phân biệt hệ tư tưởng, chế độ chính trị, bản sắc văn hóa, trình độ phát triển, v.v.. coi trọng, xem đó như một thành tựu của nền văn minh hiện đại là thước đo của sự tiến bộ xã hội.

Sự phát triển của quyền con người một mặt gắn liền với những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử và sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc và toàn thể loài người; mặt khác, gắn liền với các học thuyết triết học về quyền con người, về bản chất con người, đóng vai trò là cơ sở, tiền đề lý luận cho sự hình thành và phát triển của quyền con người. Jean Jacques Rousseau nói, “*người ta sinh ra tự do*” bởi vậy họ có quyền, bởi quyền chính là khả năng, là sự tự do lựa chọn các hành động, các cơ hội sống của mình. Do đó, mỗi con người khi sinh ra đã mang quyền của mình trong đó, nó là cái vốn có. Nhưng, trên thực tế, nó vừa là cái vốn có lại vừa là cái không phải tự nhiên. Cụ thể, ngay tiếp câu dẫn ở trên của mình Rousseau nói tiếp “*nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích*”. Con người trong thời kỳ chưa sống trong những cộng đồng xã hội, không bị ràng buộc bởi những chế định xã hội, họ sống bản năng nhiều hơn, nhưng bản thân họ lại gặp nhiều thử thách, bị mất an ninh, bị lạm dụng hoặc họ lại sử dụng tự do của mình một cách thái quá, ảnh hưởng đến tự do của người khác. Đến khi sản xuất phát triển hơn, yêu cầu về sự sống cấp bách hơn, con người đã thiết lập cho mình những cộng đồng người có tổ chức để có thể sinh sống an toàn, tự do trong đó. Nhưng, ngay cả khi những cộng đồng người có tổ chức được thiết lập thì sự khác nhau về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, lịch sử trong những điều kiện sinh sống nhất định, trong những hoạt động nhất định cũng dẫn đến sự ràng buộc, lệ thuộc và xâm nhập vào tự do của nhau. Trong cộng đồng xã hội, mỗi người không chỉ thực hiện tự do của mình, ý chí của mình mà còn thực hiện những ý chí chung khác. Mỗi người lại có một lựa chọn riêng trong việc giải quyết các vấn đề của họ, do vậy không thể tránh khỏi những mâu thuẫn, những vi phạm trong thực hiện quyền con người. Vậy làm thế nào để thực hiện quyền của người này mà không vi phạm quyền của người khác; làm thế nào để đảm bảo, duy trì và phát triển các quyền của con người. Có chăng, họ phải tìm cho mình một hình thức liên kết chính trị để nhân loại có thể được bảo an nhưng không mất đi quyền tự do.

Trong quá trình luận giải những vấn đề trên, để tìm kiếm các cách thức bảo đảm các quyền của con người, các lý thuyết đã đưa đến các yếu tố như nhà nước và pháp luật. Nhưng, ngay cả khi các cá nhân từ bỏ trạng thái tự nhiên chuyển sang trạng thái dân sự thì xuất hiện các mâu thuẫn giữa tự do cá nhân và nghĩa vụ phục tùng đời sống xã hội, mâu thuẫn giữa tính chuyên chế của đa số chống lại thiểu số, hay chế độ độc tài. Bản chất của quá trình phát triển là sự mâu thuẫn và giải quyết những mâu thuẫn, do đó, các quan hệ dân sự (các quan hệ không mang tính quyền lực trực tiếp như quan hệ giữa công dân với nhà nước, quan hệ gia đình) trong đời sống đã góp phần giải quyết phần nào mâu thuẫn này và tác động lớn đến việc thực hiện các quyền con người. Bởi ngoài việc ủy quyền cho nhà nước thực hiện các công việc của mình, người dân còn tự thực hiện các quyền của họ. Đây là cơ sở để hình thành nên xã hội dân sự (XHDS) và là điểm cơ bản để XHDS thực hiện vai trò của mình. Bên cạnh đó, những vấn đề nảy sinh cùng với quá trình phát triển như vấn đề môi trường, khủng hoảng kinh tế, di cư quốc tế... đã là những cản trở rõ ràng cho việc thực hiện các quyền con người. Những vấn đề này đã cung cấp động lực cần thiết cho việc mở rộng, phát triển XHDS đối với việc bảo đảm, thực hiện quyền con người trên toàn thế giới.

Trên thực tế, XHDS thực hiện nhiều chức năng và vai trò khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi quốc gia và thế giới... Từ đó, XHDS đã có nhiều phương pháp, sáng kiến và huy động được nhiều nguồn lực trong việc thực hiện quyền con người ở nhiều quốc gia khác nhau, nhất là cho những người yếu thế ở các quốc gia mà có các tổ chức XHDS hoạt động. Những năm gần đây, XHDS phát triển mạnh ở tất cả các quốc gia, ở Mỹ có tới 1,5 triệu tổ chức, sở hữu khối lượng tài sản trị giá 500 tỷ USD, ngay cả ở những nước kém phát triển hơn số lượng tổ chức XHDS cũng rất nhiều như Hungari là 400.000; Brazil gần 45.000 tổ chức..., các tổ chức này đã sử dụng một lực lượng lao động tự nguyện không lồ tập trung cho các lĩnh vực chính như giáo dục, sức khỏe và dịch vụ xã hội [34, tr.1]. Từ thực tế đó cho thấy, việc phát huy vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Ở nước ta, từ khi bắt đầu quá trình đổi mới, cùng với quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã tạo ra những cơ sở, điều kiện để hình thành XHDS và hiện thực hóa các quyền con người. Vấn đề đặt ra ở đây là với một thể chế xã hội đang hình thành, đang hoàn thiện thì vai trò của nó với việc thực hiện quyền con người sẽ được xem xét, giải quyết như thế nào? Nhất là trong điều kiện một đảng duy nhất lãnh đạo, trong một nền kinh tế đang chuyển đổi với trình độ dân trí chưa cao, người dân vẫn chưa ý thức, chưa chủ động được quyền của mình. Trong khi đó quyền con người lại là một vấn đề lớn,

vừa thuộc về phạm trù đạo đức, chính trị lại thuộc về phạm trù pháp lý, để thực hiện được nó phải cần có một chiến lược lâu dài, phải có sự kết hợp giữa các chủ thể khác nhau, và sự ý thức và chủ động hành động của bản thân mỗi cá nhân trong xã hội.

Thực tế cho thấy, với Nghị quyết số 8B-NQ/TW khóa (VI) ngày 27-3-1990 của Đảng đã nêu ra chủ trương; trong giai đoạn mới dần thành lập các hội đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống nhân dân hoạt động theo hướng ích nước, lợi nhà, tương thân, tương ái các tổ chức hội quần chúng được thành lập theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải về tài chính trong khuôn khổ pháp luật; đến nay, cùng với việc ban hành nhiều văn bản pháp luật khác tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức này ra đời và phát triển. Các tổ chức này ngày càng ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong quá trình phát triển và đã tham gia tích cực, chủ động trong nhiều lĩnh vực.

Do đó, xuất phát từ mong muốn đi sâu vào tìm hiểu mối quan hệ giữa XHDS và quyền con người để có thể trả lời cho những câu hỏi về quá trình thực hiện quyền con người dưới sự tác động, ảnh hưởng của XHDS trên thế giới? quá trình này dựa trên những nguồn lực, yếu tố nào và để đảm bảo thực hiện nó trên thực tiễn thì cần phải hành động ra sao? ai sẽ là người cung cấp nguồn lực, kinh nghiệm và trang bị phương pháp cho quá trình này? và đặc biệt, ở Việt Nam mối quan hệ này sẽ được biểu hiện ra sao trong hoàn cảnh chính trị xã hội đặc thù để có thể hướng tới mục tiêu vì sự phát triển toàn diện của con người, tác giả đã quyết định lựa chọn chủ đề: *“Vai trò của xã hội dân sự đối với việc thực hiện quyền con người”* để tiến hành nghiên cứu làm đề tài luận án tiến sĩ Triết học của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án**

### *2.1. Mục đích*

Trên cơ sở phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về XHDS, quyền con người, thực hiện quyền con người và vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người, luận án phân tích vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay, từ đó, đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của XHDS trong việc thực hiện quyền con người.

### *2.2. Nhiệm vụ*

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án xác định 4 nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản sau:

*Thứ nhất*, tổng quan tình hình nghiên cứu về XHDS, quyền con người, thực hiện quyền con người và vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người trên thế giới và Việt Nam.

*Thứ hai*, nghiên cứu, phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận chung về XHDS, quyền con người, thực hiện quyền con người.

*Thứ ba*, phân tích, làm rõ những vai trò cơ bản của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người, đồng thời, chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện vai trò này.

*Thứ tư*, trình bày khái quát về XHDS ở Việt Nam, vai trò của XHDS Việt Nam trong quá trình thực hiện quyền con người. Từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của XHDS trong quá trình thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *3.1. Đối tượng nghiên cứu*

Luận án tập trung nghiên cứu vào một số vấn đề liên quan đến XHDS, quyền con người, thực hiện quyền con người và những vai trò cơ bản của XHDS đối với quá trình thực hiện quyền con người. Đồng thời, luận án cũng nghiên cứu vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

#### *3.2. Phạm vi nghiên cứu*

*Về không gian nghiên cứu:* Luận án tập trung vào việc nghiên cứu, khảo sát XHDS, các vai trò cơ bản của XHDS đối với quá trình thực hiện quyền con người nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

*Về thời gian nghiên cứu:* Luận án khảo sát sơ lược tiến trình phát triển XHDS, Quyền con người trong lịch sử và việc thực hiện quyền con người được khảo sát từ năm 1948 khi *Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền* được thông qua và những nghiên cứu về XHDS ở Việt Nam được khảo sát từ năm 1990 đến nay khi *chính sách về đổi mới* của Đảng và Nhà nước đã làm cho không gian XHDS được mở rộng hơn.

### **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

#### *4.1. Cách tiếp cận*

Luận án dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Bên cạnh đó, luận án sử dụng cách tiếp cận đa ngành, liên ngành khoa học xã hội như là triết học, chính trị học, xã hội học, luật học, triết học - chính trị học, triết học - xã hội học, triết học – luật học

#### *4.2. Phương pháp nghiên cứu*

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành của Triết học và khoa học xã hội khác có liên quan như phương pháp lôgic – lịch sử, quy nạp, diễn dịch, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, dự báo, v.v..

### **5. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

- Luận án góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận chung về XHDS, quyền con người và thực hiện quyền con người.

- Luận án làm rõ hơn vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người dưới góc độ triết học.

- Luận án nêu lên những đặc điểm cơ bản của XHDS Việt Nam và vai trò, những thách thức của nó đối với quá trình thực hiện quyền con người, từ đó, đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm phát huy vai trò của XHDS trong việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

### *6.1. Về mặt lý luận*

Luận án đã góp phần bổ sung các nghiên cứu lý luận về XHDS, quyền con người và thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Đặc biệt, luận án góp phần phân tích, luận giải những vấn đề lý luận, thực tiễn về vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người.

### *6.2. Về mặt thực tiễn*

Luận án góp phần nâng cao nhận thức của cả xã hội nói chung, các chủ thể lãnh đạo, quản lý xã hội và bản thân các tổ chức XHDS nói riêng về XHDS, vai trò của XHDS, nhất là vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người.

Những đề xuất, kiến nghị của luận án có thể cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách xã hội có liên quan đến lĩnh vực XHDS và quyền con người. Ngoài ra, luận án có thể tài liệu tham khảo, phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu về triết học, chính trị học, xã hội học về XHDS, quyền con người, v.v.. Đồng thời, luận án là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, những người làm công tác hoạch định chính sách.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được chia làm 4 chương, 13 tiết.

### Chương 1.

## **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Tình hình nghiên cứu về xã hội dân sự**

#### *1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước*

*Thứ nhất*, tập trung vào khái niệm, đặc điểm, vai trò, cấu trúc hoạt động củaXHDS ở Việt Nam và trên thế giới. *Thứ hai*, nhóm các công trình làm rõ mối quan hệ tác động qua lại giữa nhà nước, XHDS và KTTT. *Thứ ba*, nhóm các công trình nghiên cứu thực trạng xã hội dân sự và đánh giá ban đầu về các yếu tố hình thành, phát triển XHDS Việt Nam.

### *1.1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước*

*Thứ nhất*, ý niệm XHDS đã được các triết gia phương Tây bàn tới từ thời cổ đại, tiêu biểu là quan điểm của các nhà triết học, xã hội học, chính trị học, luật học nổi tiếng trên thế giới như: Aristot, Hobbes, Locke, Adam Ferguson, Kant, Heghen, C.Mác, Alexis de Tocqueville, Antonio Gramsci, Gabriel Almond, Seyney Verba... Đa số họ tập trung vào nghiên cứu từ những khía cạnh như: lịch sử tư tưởng XHDS, khái niệm, các đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của nó và các giá trị, hạn chế; mối quan hệ giữa XHDS với nhà nước của tự nhiên (trạng thái tự nhiên), xã hội chính trị, xã hội, các lý thuyết kinh tế và trong quá trình chuyển đổi dân chủ cũng được đề cập đến. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, các quan điểm về XHDS cũng thay đổi, cho đến nay, đã có một hệ thống lý thuyết chung và nhiều mô hình XHDS trên thế giới được hình thành và phát triển mạnh mẽ. *Thứ hai*, xã hội dân sự hiện nay được nghiên cứu theo hai chiều cạnh là xã hội chính trị và là khu vực thứ ba. *Thứ ba*, xã hội dân sự gắn với dân chủ. *Thứ tư*, xu hướng nữa là việc phát triển XHDS toàn cầu

## **1.2. Tình hình nghiên cứu về Quyền con người**

### *1.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước*

Ở Việt Nam trong những năm gần đây, việc nghiên cứu và thực hiện quyền con người đã có những bước tiến rất đáng kể, có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến vấn đề này.

*Thứ nhất*, nhóm nghiên cứu về sự phát triển tư tưởng khái niệm, đặc điểm, bản chất và các nhóm quyền cơ bản của quyền con người. *Thứ hai*, nhóm nghiên cứu về thực hiện quyền con người và quyền con người ở Việt Nam.

### *1.2.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước*

Trên thế giới, việc nghiên cứu quyền con người được chia làm nhiều nhóm: *Thứ nhất*, nghiên cứu vai trò của Tuyên ngôn Quyền con người, những nội dung chủ yếu của nó và những kết quả mà nó mang lại trong cuộc sống của con người trên toàn thế giới; *Thứ hai*, từ việc nghiên cứu Tuyên ngôn này, các nhà nghiên cứu đi sâu vào việc tìm hiểu về sự ra đời của các quyền và quá trình hoàn thiện các văn kiện nhằm nâng cao hiểu biết mới về nhân quyền cho mỗi người; *Thứ ba*, những rào cản lớn về mặt chính trị trong việc kêu gọi, cam kết thực thi Tuyên ngôn này và các công ước quốc tế khác về quyền con người trên thực tế ở mỗi quốc gia; *Thứ tư*, nhiều nghiên cứu chỉ ra những cáo buộc nhân rằng quyền chỉ là một sự áp



đặt của các đế quốc, các nước giàu hoặc các nước phương Tây; *Thứ năm*, nhóm nghiên cứu khác lại cho rằng: mặc dù, có những sự khác biệt về chi tiết cụ thể trong các nhóm quyền nhưng có sự nhất trí rộng rãi của nhiều nền văn hóa chấp nhận tính toàn cầu của các quan niệm về nhân quyền chủ yếu. Quyền con người thể hiện tính toàn cầu, là di sản chung của mọi người dân trên toàn thế giới; *Thứ sáu*, nhóm nghiên cứu quyền con người trong mối quan hệ với các yếu tố khác như: phát triển, phát triển bền vững, toàn cầu hóa, KTTT, nhà nước pháp quyền, dân chủ, bản sắc văn hóa, đa dạng văn hóa, tôn giáo, dân số, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, v.v.. *Thứ bảy*, nhóm nghiên cứu quyền con người trong lịch sử phát triển của nó. *Thứ tám*, nhóm nghiên cứu việc thực hiện nhân quyền ở mỗi quốc gia cụ thể.

### **1.3. Tình hình nghiên cứu về vai trò của xã hội dân sự đối với việc thực hiện quyền con người**

#### *1.3.1. Tình hình nghiên cứu trong nước*

Hiện có rất ít các công trình nghiên cứu chuyên sâu, độc lập về vấn đề này, nếu có thường được nghiên cứu dưới dạng gắn hai yếu tố này với nhà nước pháp quyền, hoặc XHDS là môi trường, là điều kiện để đảm bảo cho thực hiện quyền con người, bên cạnh các yếu tố như NNQP và KTTT, hoặc từng tác động cụ thể của XHDS đến các mặt khác nhau của việc thực hiện quyền con người.

#### *1.3.2. Tình hình nghiên cứu nước ngoài*

Việc nghiên cứu vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người trên thế giới chủ yếu được thể hiện qua các đánh giá, khảo sát, dự án mà các tổ chức nhân quyền thế giới, các tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực nhân quyền, các tổ chức XHDS... tiến hành thông qua các báo cáo về vấn đề quyền con người ở các khu vực, quốc gia cụ thể. Bên cạnh đó, vai trò này còn được nhìn nhận lồng ghép trong quá trình tương tác của các cá nhân, tổ chức XHDS với chủ thể quyền khác như Nhà nước, chính phủ các nước, tổ chức quốc tế... trong các văn bản, điều ước quốc tế về quyền con người. Cụ thể: *Thứ nhất* là dưới góc độ pháp lý. *Thứ hai*, vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người được các văn kiện, công ước, tuyên bố và các chương trình hành động về Quyền con người của Liên Hiệp Quốc ghi nhận. *Thứ ba*, vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người ở các khu vực, quốc gia cụ thể. *Thứ tư*, là những nghiên cứu về vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người ở những khía cạnh cụ thể như vận động chính sách, giám sát phản biện việc thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người, thực hiện các nhóm quyền cụ thể, giáo dục quyền con người...

### **1.4. Những vấn đề chưa được các nghiên cứu đề cập đến**

*Thứ nhất*, chưa có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa XHDS với thực hiện quyền con người, những nghiên cứu này, nếu có thường rất ít, sơ sài. *Thứ hai*, việc nghiên cứu vấn đề “thực hiện quyền con người” dưới góc độ lý luận chưa được đề cập đến nhiều trong các nghiên cứu về quyền con người ở Việt Nam. *Thứ ba*, những vai trò cụ thể của XHDS đối với thực hiện quyền con người mới chỉ được nêu ra trong một số bài viết dưới dạng những nhận định, chứ chưa có những phân tích chuyên sâu về vấn đề này. *Thứ tư*, chưa có công trình nào nghiên cứu về vai trò của xã hội dân đối với việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam trên góc độ lý luận và thực tiễn.

## Chương 2.

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XÃ HỘI DÂN SỰ, QUYỀN CON NGƯỜI VÀ THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI**

#### **2.1. Những vấn đề lý luận chung về xã hội dân sự**

##### *2.1.1. Khái niệm xã hội dân sự*

Xã hội dân sự là khái niệm được phát triển trong khuôn khổ của triết học, khoa học chính trị, xã hội học và pháp luật học phương Tây. Nó đã xuất hiện tương đối lâu trong lịch sử, mỗi thời kỳ, mỗi quốc gia, mỗi trường phái, mỗi nhà nghiên cứu lại hiểu khái niệm này trên những khía cạnh khác nhau. Qua quá trình nghiên cứu, với sự mở rộng các quan điểm khác nhau về XHDS cho chúng ta thấy rằng *không có một định nghĩa duy nhất, hoàn toàn đúng về XHDS* và cũng không có một mô hình mẫu XHDS bởi sự phát triển của nhận thức con người và các mối quan hệ của họ là cả quá trình trong sự tác động qua lại và trong sự tương quan với các yếu tố khác như KTTT, nhà nước pháp quyền, trình độ của mỗi cá nhân, xã hội. Do đó, việc mỗi nước khác nhau sẽ lựa chọn cho mình một quan niệm về XHDS để hiện thực hóa quá trình phát triển của mình là hoàn toàn có căn cứ, và việc áp đặt mô hình của nước này vào nước kia là một sự vô lý cả về mặt nhận thức và thực tiễn. Do vậy, khái niệm XHDS là một khái niệm mở và luôn được hoàn thiện trong quá trình phát triển.

Song dù vậy, để phục vụ mục đích nghiên cứu, trên cơ sở phân tích quá trình phát triển các quan điểm, định nghĩa trên về XHDS, luận án đưa ra một định nghĩa về XHDS như sau: *XHDS là một không gian xã hội độc lập, một thiết chế quyền lực ngoài nhà nước, không lân vào Nhà nước; nhưng không vượt ra khỏi sự kiểm soát, điều tiết bằng luật của Nhà nước. Đây là không gian của các quan hệ giữa các cá nhân trong xã hội, nơi người dân tập hợp nhau lại thành các tổ chức, các hội, hiệp hội, v.v.. thực hiện các quyền của mình, hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự*

*chịu trách nhiệm trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật và vì những lợi ích chung của cộng đồng.* Do vậy, hoạt động của xã hội dân sự không giới hạn ở một lĩnh vực cụ thể nào của đời sống xã hội mà bao trùm lên tất cả. *Từ khía cạnh chính trị*, XHDS phản ánh góc độ người dân tham gia vào các công việc của nhà nước, xã hội, thực hiện quyền và lợi ích của mình. ở góc độ này, cần phân biệt xã hội dân sự với hệ thống chính trị, trong đó, các yếu tố của hệ thống chính trị (Đảng phái trong đó có Đảng cầm quyền, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội) luôn là yếu tố quan trọng nhất lãnh đạo, chỉ đạo điều tiết toàn xã hội. *Từ góc độ thiết chế*, XHDS là một thiết chế phi thị trường, phi nhà nước, nhưng không vượt ra khỏi sự kiểm soát, điều tiết bằng luật của Nhà nước hoạt động trên cơ sở sự liên kết tự nguyện của công dân. *Từ khía cạnh văn hóa*, XHDS đề cao tính cộng đồng, sự gắn kết chung bởi những giá trị văn hóa ngôn ngữ, truyền thống, tập quán sinh hoạt, các kỹ năng xã hội đặc thù, v.v.. *Từ góc độ các mối quan hệ*, XHDS nằm trong mối quan hệ biện chứng giữa nền KTTT và nhà nước pháp quyền, là cầu nối giữa nền KTTT và nhà nước. *Từ khía cạnh quản lý, mục đích* thực hành tự do, sự tham gia, bổ sung của con người trong các mối quan hệ xã hội giữa các nhóm người khác nhau trong tổng thể và vào cái tổng thể.

### *2.1.2. Cơ sở ra đời của xã hội dân sự*

*Về cơ sở chính trị*, đó là sự ra đời khi ý thức chính trị, ý thức về sự tự do, về sự làm chủ của cá nhân, công dân, ý thức về quyền dân chủ, quyền con người, ý thức về sự tham gia của người dân đối với quyền lực chính trị, về vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình trong đời sống xã hội đạt đến mức độ nhất định trước những tác động khác nhau của nhà nước, của chế độ chính trị và ý thức này thể hiện trên quan hệ ràng buộc giữa cá nhân, công dân và nhà nước được hiến pháp và pháp luật ghi nhận thông qua sự ký kết các khế ước xã hội.

*Về cơ sở kinh tế*: khi sở hữu tư nhân ra đời và phát triển đã tạo động lực cho sự phát triển kinh tế hàng hóa, đẩy mạnh hơn nữa sự phân công lao động xã hội, phân hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều này đã dẫn đến tính đa dạng hóa ngày càng tăng của cá nhân và phức tạp hóa các quan hệ xã hội. Tạo điều kiện cho XHDS phát triển.

*Về cơ sở xã hội* đó là sự đồng thuận dựa trên các giá trị cốt lõi của con người được hình thành trong các nhóm, tổ chức xã hội tự nguyện khi tham gia vào đời sống xã hội tạo thành mạng lưới xã hội và vốn xã hội.

*Về cơ sở đạo đức, văn hóa và tư tưởng.* Việc hình thành XHDS về cơ bản gắn với sự tự ý thức của con người về tự do, lợi ích, nghĩa vụ pháp lý và nghĩa vụ đạo đức. Chính những yếu tố đặc thù về giá trị văn hóa, ngôn ngữ, tập tục sinh hoạt... là những cái tạo ra mối gắn kết giữa các thành viên cùng sống chung trong một cộng đồng địa phương nhất định.

### *2.1.3. Đặc trưng của xã hội dân sự*

*Đặc trưng thứ nhất*, có sự thống nhất giữa cái gọi là XHDS về mặt lý luận và thể chế xã hội dân sự. Hay nói cách khác, xã hội giờ đây được nhìn nhận ở 2 góc độ: Lý luận và cái thực tồn. *Về mặt lý luận*, xã hội dân sự thể hiện là một kiểu quan hệ đặc biệt giữa nhà nước với nhân dân, tức là nhà nước thừa nhận mỗi một người dân trong một quốc gia đều có tư cách công dân bình đẳng, nhà nước đảm bảo quyền lợi chính trị và sự tự do của công dân thông qua Hiến pháp và pháp luật. *Về mặt thực tồn* phổ biến hiện nay XHDS không phải là một xã hội lý tưởng mà là một xã hội hiện thực ra đời và phát triển tự nhiên dưới tiền đề của KTTT của nhà nước pháp quyền. Bên cạnh đó, cũng có những mô hình XHDS riêng biệt được xây dựng ở những quốc gia mà cả nhà nước pháp quyền và KTTT chưa mạnh, điều này thể hiện tính đặc thù của XHDS đã được đề cập đến trong những nghiên cứu trên.

*Đặc trưng thứ hai*, *Đặc trưng thứ hai*, xã hội dân sự là một thiết chế xã hội đặc biệt, có mối quan hệ khăng khít với các thiết chế xã hội khác trong quá trình tổ chức đời sống xã hội.

*Đặc trưng thứ ba*, XHDS mang tính chính trị. Tính chính trị này thường gắn đại diện cho tính dân chủ của một hệ thống chính trị (kể cả khi nó được công nhận hay không). Điều này được thể hiện ở hai điểm: *Một là*, từ khía cạnh lý thuyết, theo phân tích ở trên XHDS chỉ ra đời khi ý thức chính trị của người dân đã đạt đến trình độ nhất định. *Hai là*, từ phương diện thực tiễn hoạt động, XHDS là phương thức tổ chức các hoạt động và dịch vụ của công dân cho chính bản thân họ và người khác (cộng đồng) trên cơ sở các quy định của pháp luật.

*Đặc trưng thứ tư*, xã hội dân sự mang tính phi lợi nhuận, tức không trực tiếp tìm kiếm lợi nhuận, nhưng những hoạt động của nó có thể thúc đẩy sự tìm kiếm lợi ích chung của toàn xã hội.

*Đặc trưng thứ năm*, xã hội dân sự mang tính đạo đức, luân lý, dân chủ và nó đi cùng với sự trưởng thành về nhận thức của các cá nhân.

*Đặc trưng thứ sáu là về nguyên tắc hoạt động và lực lượng, cấu trúc của xã hội dân sự*: (1) XHDS hoạt động dựa trên nguyên tắc sự tham gia tự nguyện của công dân, tự quản, tự chủ, tự tổ chức, tự chịu trách nhiệm, công khai, minh bạch, có tính mở và độc lập không bị chi phối bởi các tổ chức lợi nhuận hay vì mục tiêu lợi nhuận; (2) *cấu trúc, thành phần của XHDS* được hình thành với tư cách là một hệ thống các quan hệ xã hội, hoạt động độc lập với các thiết chế khác trong xã hội. Ngoài ra, cấu trúc của XHDS còn được xem xét trên bình diện về các vấn đề như: sự tham gia sâu, rộng của nhân dân vào XHDS; tính đa dạng của các loại hình tổ chức và các bên tham gia; quy mô các tổ chức bảo trợ và mạng lưới sẵn có; các nguồn lực tài chính và nhân lực của các tổ chức đó; môi trường kinh tế - chính trị - xã hội mà các tổ chức XHDS đang hoạt động. (3) *lực lượng của XHDS là tất cả mọi người dân* tự do và được đảm bảo các quyền cơ bản của con người, những cá nhân này có thể thuộc các tổ chức chính trị - xã hội của nhà nước, các hiệp hội, nghiệp

đoàn đại diện cho các ngành nghề khác nhau trong KTTT, thành viên trong các gia đình với giá trị và chuẩn mực riêng.

## **2.2. Những vấn đề lý luận chung về quyền con người**

### *2.2.1. Khái niệm quyền con người*

Có thể định nghĩa quyền con người là những đặc tính xuất phát từ phẩm giá và nhu cầu vốn có của con người, được pháp luật ghi nhận và đảm bảo. Đây là một phạm trù xã hội tổng hợp, là sự giới định và thừa nhận về mặt xã hội của những nhu cầu mà con người giành được với tư cách là một thực thể trong xã hội nhằm khẳng định mình là một sinh vật có tính loài, một nhân tính tự do. Quyền là quyền của con người trong mối quan hệ với người khác, nhờ đứng trong quan hệ với người khác mà cá nhân mới có tự do, được thực hiện tự do. Xuất phát từ quan điểm này nên các quan niệm về quyền con người về sau đều được giải quyết trong quan hệ giữa cá nhân với xã hội, giữa tính nhân loại với tính giai cấp, giữa các giá trị đạo đức với pháp luật và quyền lực, giữa quan hệ quốc tế với lợi ích quốc gia, giữa khả năng và nhu cầu tự nhiên với những nỗ lực chủ quan. Từ đó cho thấy việc xem xét quyền con người dưới góc độ quyền tự nhiên bẩm sinh, quyền chính trị là chưa đủ mà còn phải tính tới các quyền khác như quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Như vậy, qua quá trình phát triển tư tưởng quyền con người, cho thấy đây là khái niệm có nội dung rộng lớn, phức tạp với những đặc điểm nhất định. Nó vừa mang tính trừu tượng với ý nghĩa là một quan niệm, xu hướng, khát vọng, lại vừa có ý nghĩa cụ thể với những nội dung xác định như trong Hiến chương và Tuyên ngôn về quyền con người của Liên hợp quốc quy định.

### *2.2.2. Một số đặc điểm của quyền con người*

*Thứ nhất*, bản thân từ “quyền” dưới góc độ pháp lý, chính trị và đạo đức thường được gắn với các lý thuyết về “lợi ích” về “bình đẳng” và các khái niệm trong một xã hội tốt đẹp, còn theo nghĩa triết học quan niệm về quyền thường được xem là khả năng tự do lựa chọn hành động của mình và có cơ hội thực hiện hành động đó, cụ thể hơn đó là sự lựa chọn đến với hạnh phúc, tiện nghi, tiến bộ, v.v..

*Thứ hai*, quyền con người có những đặc trưng nhất định như: quyền con người là không thể tước đoạt, chuyển nhượng, không phân chia, không phân biệt đối xử; quyền con người có tính phổ quát, đặc thù, tính liên hệ, phụ thuộc vào nhau.

*Thứ ba*, quyền con người được sử dụng để biểu thị một loạt các quyền khác nhau, từ quyền sống đến quyền thụ hưởng các nhu cầu khác nhau, được chia làm các nhóm quyền chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền đoàn kết, phát triển, môi trường, quyền của các nhóm, v.v..

*Thứ tư*, quyền con người là các quyền chứ không phải khát vọng hay lợi ích, đặc ân mà xã hội ban phát cho.

*Thứ năm*, một điểm quan trọng trong các quan niệm về quyền con người là chỉ ra quan hệ giữa quyền của mỗi cá nhân đối với lợi ích công cộng khác.

*Thứ sáu*, quyền con người gắn với quyền công dân, mỗi người ngoài tư cách con người thì cũng là công dân của một quốc gia nhất định, họ có quyền công dân.

Như vậy, về hình thức biểu hiện, quyền con người được quy định trong Hiến pháp – đạo luật cơ bản của quốc tế và quốc gia. Về giá trị pháp lý, là cơ sở để nhà nước quy định các quyền và nghĩa vụ cụ thể trong các văn bản pháp luật khác; Về giá trị thực tế, không chỉ phản ánh chất lượng sống của các cá nhân mà còn thể hiện tính chất dân chủ, nhân đạo và tiên bộ của một nhà nước.

### 2.2.3. Các thể hệ quyền con người

Thể hệ quyền con người thứ nhất: các quyền dân sự, chính trị.

Thể hệ quyền con người thứ hai: Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa.

Thể hệ quyền con người thứ ba: Quyền đoàn kết, quyền tập thể, quyền phát triển, quyền về môi trường.

Thể hệ quyền con người thứ tư - quyền của các nhóm.

## 2.3. Những vấn đề lý luận chung về thực hiện quyền con người

### 2.3.1. Quan niệm về thực hiện quyền con người

Nói một cách chung nhất thực hiện quyền con người chính là quá trình tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm, thực thi các quyền con người trên thực tiễn, bên cạnh việc các quyền con người được thừa nhận, ghi nhận trong các văn bản pháp lý. Ở một khía cạnh cụ thể, việc thực hiện quyền con người được hiểu là làm cho các văn bản luật quốc tế về quyền con người được tuân thủ, được thực thi trong đời sống hiện thực của mỗi quốc gia. Điều này xuất phát từ các văn bản luật quốc tế về quyền con người là công cụ, cơ sở quan trọng để đánh giá việc thụ hưởng các quyền con người cơ bản của mỗi người dân ở những quốc gia khác nhau không phân biệt giới tính, tôn giáo, quốc gia, dân tộc, điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, v.v..

### 2.3.2. Chủ thể và phương thức thực hiện quyền con người

Về chủ thể thực hiện quyền con người bao gồm chủ thể quyền và chủ thể nghĩa vụ. Chủ thể quyền con người là các cá nhân, nhóm, dân tộc, quốc gia dân tộc, tất cả các chủ thể trong xã hội (thể nhân, pháp nhân). Chủ thể nghĩa vụ thực hiện quyền là các nhà nước là chủ thể chính, ngoài ra các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân.. có trách nhiệm thực hiện quyền con người. Có sự trùng hợp về chủ thể trực tiếp và chủ thể nghĩa vụ,

trong nhiều trường hợp, chủ thể trực tiếp cũng chính là chủ thể nghĩa vụ. Chủ thể nghĩa vụ khi là bên trực tiếp thực hiện quyền con người thì trở thành chủ thể trực tiếp.

#### *Về phương thức thực hiện quyền con người*

*Thứ nhất*, thực hiện quyền con người diễn ra trên hai góc độ: góc độ luật pháp và góc độ đạo đức. Góc độ đạo đức là cái khó có thể đo đếm và phần nhiều được xác lập bằng nhận thức về quyền con người thông qua truyền truyền giáo dục. Còn góc độ pháp lý, trước hết dựa trên tiền đề công nhận sự tồn tại và giá trị của quyền con người của một thể chế chính trị, được phân chia thành hai cấp độ: quốc tế và quốc gia. Ở cấp độ quốc tế việc thực hiện quyền con người nhấn mạnh sự hợp tác giữa các quốc gia, hỗ trợ lẫn nhau, phản ánh những hành vi vi phạm của nhau để đảm bảo cho các công ước quốc tế về quyền con người được tuân thủ, được thực thi. Ở cấp độ quốc gia Nhà nước là cơ quan quan trọng nhất trong việc thực hiện pháp luật về quyền con người trên cơ sở ý chí chính trị của quốc gia đó và việc nội luật hóa pháp luật quốc tế vào luật quốc gia.

*Thứ hai*, việc định lượng hóa các giá trị trong nhân quyền thông qua đánh giá hiệu quả của các điều kiện thực hiện quyền con người như hệ thống pháp lý, điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa nhân quyền và mở rộng tác động của thực hiện quyền con người đến quá trình phát triển con người cũng là một phương thức quan trọng khi thực hiện quyền con người.

#### *2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện quyền con người*

*Thứ nhất*, nhà nước pháp quyền là điều kiện tiên quyết để người dân có thể thực hiện nhiều nhất quyền làm chủ của mình.

*Thứ hai*, kinh tế thị trường là điều kiện vật chất để hiện thực hóa các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa và là bàn đạp để người dân thực hiện quyền dân sự, chính trị của chính họ, là thiết chế giúp con người ta thực hiện tự do trao đổi hàng hóa, vật phẩm vì lợi ích của mình. Nhờ vậy, nó tạo ra không gian giúp nhiều người nhất (trong tương quan với chế độ cấm vận hay tập trung, bao cấp) có thể tiếp cận và thụ hưởng các loại hình hàng hóa vật chất dựa trên nguyên tắc tự do.

*Thứ ba*, xã hội dân sự là một ‘môi trường’ hiện thực các quyền con người, mặt khác, các thành tố trong xã hội dân sự cũng là những chủ thể trực tiếp của quyền con người. Nếu xác định nhà nước pháp quyền, KTTT và xã hội dân sự là ba trụ cột trong một xã hội thì rõ ràng, ba yếu tố này sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện quyền con người. Bản thân quan hệ ràng buộc giữa nhà nước và xã hội dân sự; quan hệ kiểm soát và điều tiết giữa nhà nước và KTTT; quan hệ tương hỗ, bổ khuyết giữa xã hội dân sự với KTTT là những yếu tố tác động tới việc thực hiện quyền con người trong một xã hội nhất định. Nói cách khác, tính chất và chất lượng của các môi

quan hệ giữa 3 thành phần nói trên là yếu tố quyết định cho sự thành công hay thiếu hiệu quả của việc thực hiện quyền con người.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong quá trình tìm kiếm và duy trì tự do cũng như thực hiện các hành vi điều tiết chính trị xã hội, cá nhân mỗi người đã liên kết với nhau để tìm ra các hình thức tổ chức xã hội phù hợp, ký kết với nhau các khế ước xã hội để ràng buộc có trách nhiệm các hành vi của mình. XHDS là một khế ước như vậy. XHDS được ghi nhận trong nhà nước pháp quyền như một yếu tố độc lập mang những đặc trưng riêng. Do vậy, nó có mối quan hệ chặt chẽ với nhà nước pháp quyền và nền KTTT và với chức năng chính trị, kinh tế, xã hội, phản biện và cộng đồng của mình, với những đặc trưng về tính tự chủ, tự nguyện, độc lập, v.v.. XHDS được coi như một cầu nối để cá nhân mỗi người đi đến dân chủ, tự do thực sự và là một điều kiện quan trọng trong việc thực hiện, đảm bảo quyền con người. Quyền con người từ lâu đã trở thành một vấn đề mang tính chất quốc tế, nó thu hút sự chú ý rộng rãi của dư luận thế giới. Bản thân các quyền đang trở thành hình thức, phương tiện, cơ chế biểu hiện của con người với tính cách là người đại diện cho loài người, biểu hiện của các dân tộc với tính cách là những bộ phận của loài người. Do đó, việc công nhận và thực hiện quyền con người là một thước đo đáng tin cậy của việc loài người trưởng thành từng bước như một chính thể thống nhất của sự tiến bộ con người nói chung.

Để thực hiện được các quyền con người ngoài nhiệm vụ, trách nhiệm của nhà nước với hệ thống pháp lý hoàn chỉnh còn cần có sự chia sẻ trách nhiệm của XHDS và các cá nhân trong xã hội trên cơ sở một nền KTTT được vận hành tốt và một nền văn hóa nhân quyền phát triển.

### Chương 3.

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA XÃ HỘI DÂN SỰ ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI

### 3.1. Những vấn đề chung về vai trò của xã hội dân sự

Ở đây, khi nói về vai trò của XHDS là muốn xét đến vị trí, chức năng, nhiệm vụ của XHDS trong mối tương quan giữa nhà nước, thị trường và trong quá trình phát triển xã hội nói chung.

*3.1.1. Vai trò của xã hội dân sự trong mối quan hệ với nhà nước pháp quyền và kinh tế thị trường*



*Thứ nhất*, xã hội dân sự là cầu nối, thúc đẩy sự chủ động của người dân trong việc tham gia vào công việc của nhà nước. *Thứ hai*, xã hội dân sự bù đắp những thiếu hụt của nhà nước trong quá trình hình thành chính sách công. *Thứ ba*, xã hội dân sự thực hiện vai trò phản biện, giám sát các hoạt động của nhà nước. *Thứ tư*, xã hội dân sự kết nối chặt chẽ với nền kinh tế thị trường và thúc đẩy những nhân tố của thị trường phát triển.

*3.1.2. Vai trò của xã hội dân sự trong việc phát huy các yếu tố của sự phát triển xã hội*

*Thứ nhất, trong lĩnh vực chính trị*

*Một là*, xã hội dân sự thúc đẩy quá trình dân chủ vì bản thân nó là tổ chức mang tính dân chủ. Đây là vai trò cơ bản xuất phát từ đặc trưng của XHDS. Vai trò này thể hiện ở chỗ, người dân tìm thấy mình trong các quyết sách của chính quyền, tham gia vào các công việc xã hội, nhận thức, trình độ và đặc biệt ý thức, trách nhiệm với xã hội. *Hai là*, xã hội dân sự thúc đẩy quá trình dân chủ thông qua việc vận động, khuyến nghị chính sách, phản biện xã hội.

*Thứ hai, trong lĩnh vực xã hội, văn hóa.*

*Một là*, xã hội dân sự thúc đẩy trách nhiệm xã hội thông qua quá trình xóa đói giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội và điều tiết xã hội. *Hai là*, xây dựng đoàn kết, tăng cường các mối liên kết xã hội, vốn xã hội. *Ba là*, xã hội dân sự giữ vai trò quan trọng trong hội nhập văn hóa, đạo đức và mức độ ảnh hưởng tới lĩnh vực toàn cầu.

*Thứ ba, trong lĩnh vực kinh tế, xã hội dân sự thúc đẩy nền kinh tế phát triển.*

**3.2. Những vấn đề cơ bản về vai trò của xã hội dân sự với việc thực hiện quyền con người**

*3.2.1. Xã hội dân sự tác động tới nhà nước trong việc thực hiện quyền con người*

Vai trò này được thể hiện qua việc XHDS giúp nhà nước hoàn thiện chính sách về quyền con người; thúc đẩy nhà nước và các bên liên quan hiện thực hóa quá trình thực hiện quyền con người thông qua các hoạt động như tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, tư vấn, giám sát, phản biện các hoạt động chính sách về quyền con người.

*Thứ nhất*, xã hội dân sự góp phần cùng nhà nước hoàn thiện chính sách, pháp luật về quyền con người; *Thứ hai*, xã hội dân sự thúc đẩy nhà nước và các bên liên quan hiện thực hóa quá trình thực hiện quyền con người.

*3.2.2. Xã hội dân sự thúc đẩy quá trình hình thành, phát huy các điều kiện thực hiện quyền con người*

*Thứ nhất*, xã hội dân sự tạo ra không gian xã hội dân chủ, quản trị tốt và có trách nhiệm cho việc thực hiện quyền con người; *Thứ hai*, xã hội dân sự

đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, phát huy các điều kiện xã hội cho việc thực hiện quyền con người.

### *3.2.3. Xã hội dân sự thúc đẩy quá trình giáo dục quyền con người*

*Thứ nhất*, xã hội dân sự cụ thể hóa các mục tiêu giáo dục quyền con người nhằm hướng tới sự tối đa hóa trong thực hiện quyền con người; *Thứ hai*, xã hội dân sự giúp nâng cao nhận thức cộng đồng về các quyền, thúc đẩy quá trình tự nhận thức về quyền và đấu tranh cho các quyền của công dân.

## **3.3. Những khó khăn của xã hội dân sự trong việc thực hiện quyền con người**

### *3.3.1. Những khó khăn về mặt nhận thức*

*Thứ nhất*, ngay từ ngày đầu thành lập, LHQ đã cam kết sẽ thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền một cách mạnh mẽ theo phương châm hành động hòa bình, an ninh, phát triển và quyền con người, các yếu tố này phụ thuộc, hỗ trợ lẫn nhau và do nhiều chủ thể tiến hành, trong đó có vai trò của XHDS. Song, trên thực tế điều này chưa được đảm bảo như nhau ở mọi thời điểm và mọi chính phủ. Đồng thời, chưa có sự thống nhất trong nhận thức của cộng đồng quốc tế và chính phủ các nước về vấn đề này. *Thứ hai*, về phía các chính phủ, họ lo ngại đối với các tổ chức, cá nhân của XHDS. Điều này xuất phát từ chỗ các hoạt động nhân quyền thường khuyến khích, bảo vệ các quyền và tự do như tự do bày tỏ chính kiến, tự do lập hội, hội họp và các quyền cơ bản như quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân (đây là những vấn đề tất yếu cho sự tồn tại của tất cả các hình thức tổ chức phi chính phủ độc lập). *Thứ ba*, có sự khác biệt trong việc nhận thức về quyền con người giữa các quốc gia khác nhau. Đó là sự khác nhau trong việc nhấn mạnh các quyền chính trị - dân sự, các quyền tự do cá nhân ở các nước phương Tây, hay sự hài hòa giữa các quyền chính trị - dân sự với quyền kinh tế, văn hóa, xã hội ở các nước đang phát triển.

### *3.3.2. Những khó khăn về nguồn lực của xã hội dân sự trong việc thực hiện quyền con người*

*Thứ nhất*, về hệ thống pháp lý; *Thứ hai*, về mặt lực lượng; *Thứ ba*, về tài chính; *Thứ tư*, chưa có cơ chế phối hợp giữa các tổ chức xã hội dân sự với nhà nước, hệ thống chính trị, kinh tế thị trường trong việc thực hiện quyền con người, mà cụ thể ở đây là trong quá trình giám sát việc thực hiện quyền con người, dẫn đến việc phát huy vai trò này còn hạn chế.

### *3.3.3. Những khó khăn từ đặc điểm, hoạt động của xã hội dân sự dẫn đến việc hạn chế theo đuổi những mục tiêu xã hội lâu dài*

Tính không ổn định về cả về quản lý và hoạt động; năng lực tài chính có hạn; quy mô nhỏ, hạn chế về kỹ năng quản lý, chuyên môn kỹ

thuật cho những dự án lớn; xuất phát từ bản chất là một không gian tổ chức xã hội độc lập với nhà nước, với thị trường, XHDS cũng không tránh khỏi hạn chế đó là tính đơn lẻ, kết cấu không chặt chẽ, quản lý lỏng, hoạt động ngắn hạn, lực lượng không thống nhất, hiệu quả hoạt động chưa đảm bảo tính lâu dài và bền vững...; Nhiều hoạt động XHDS chưa đảm bảo được tính dân chủ hóa, giải trình, trách nhiệm và minh bạch hóa.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Trong quá trình thực hiện quyền con người, với việc hoàn thiện các chức năng, vai trò của mình được phản ánh qua việc XHDS hoàn thiện chính sách, giám sát, hình thành các điều kiện thực hiện thực quyền con người và giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về quyền và nghĩa vụ của mình, XHDS đã thể hiện được vị trí, vai trò quan trọng của mình. Nhưng, quá trình này cũng gặp nhiều khó khăn và thách thức về các mặt: Pháp lý, lực lượng, phạm vi hoạt động, tài chính, tổ chức, sự đoàn kết giữa các đoàn viên và đặc biệt là nhận thức của chính phủ mỗi quốc gia về XHDS rất khác nhau. Có chính phủ coi XHDS là yếu tố quan trọng trong tổ chức đời sống xã hội, có chính phủ lại cho rằng XHDS sẽ gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến tình hình chính trị của quốc gia. Bên cạnh đó, ngay trong quá trình hoạt động của XHDS, nhiều tổ chức XHDS quốc tế đã lợi dụng vị trí của mình có những hành động gây bất ổn chính trị cho quốc gia mình đang hoạt động. Điều này dẫn đến việc hạn chế hoạt động của XHDS và không huy động được nguồn vốn xã hội, vốn văn hóa cho quá trình phát triển. Do vậy, để khắc phục những khó khăn, thách thức này, XHDS cần hoạt động đúng với vị trí, vai trò của mình và căn cứ vào tính đặc thù của mỗi nước để có cách hiểu về XHDS cho đúng, tạo điều kiện cho XHDS phát triển và phát huy được khả năng của mình. Bên cạnh đó, mỗi cá nhân, tổ chức quốc tế, quốc gia cần có sự hiểu biết về văn hóa, tôn trọng những nét đặc thù khi bàn về vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người ở từng quốc gia nói riêng và bảo đảm quyền con người trên toàn thế giới nói chung. Đồng thời, coi trọng sự quan sát và đối thoại về tương lai của XHDS giữa các nước với nhau nhưng cũng cần lưu ý về bản chất của XHDS để nó không nên đi quá xa khái niệm ban đầu của nó.

#### **Chương 4.**

### **XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN CON NGƯỜI HIỆN NAY**

#### **4.1. Khái quát về xã hội dân sự Việt Nam**

#### *4.1.1. Điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa cho sự phát triển của xã hội dân sự tại Việt Nam*

*Thứ nhất*, trong lĩnh vực kinh tế, từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, Việt Nam đã và đang xây dựng một nền KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập ngày càng sâu, rộng với khu vực và trên thế giới. Đây là chủ thể hình thành, là tiền đề kinh tế của xã hội dân sự.

*Thứ hai*, ở khía cạnh xã hội, thực tiễn cho thấy, các tổ chức XHDS ở Việt Nam xuất hiện từ khá sớm. Cơ sở cho các tổ chức này hoạt động chính là thông qua hương ước của mỗi làng, đây chính là “luật định” - cơ sở pháp lý cho việc manh nha hình thành các yếu tố đầu tiên cho XHDS Việt Nam. Chính vì có những quy định như vậy nên khi tham gia vào những tổ chức này, vị thế của người nông dân cũng được khẳng định họ là những người tự do có quyền tự trị và nói lên tiếng nói của mình đối với chính quyền. Ngày nay, với sự thay đổi của đời sống và mô hình quản lý xã hội, các tổ chức hội đoàn này không mất đi mà nó còn được phát triển khá mạnh mẽ và trở thành một trong những yếu tố không thể thiếu trong đời sống của người dân. Bên cạnh đó, cũng có rất nhiều các tổ chức dân gian, tổ chức cộng đồng mới được thành lập đã tạo nên động lực lớn mạnh và sự đảm bảo về mặt tổ chức cho sự phát triển của XHDS Việt Nam.

*Thứ ba*, ở khía cạnh văn hóa, có thể thấy rõ tính đặc thù về XHDS Việt Nam đó là tính cộng đồng dựa trên những giá trị của dân tộc Việt Nam như đoàn kết, yêu quê hương, đất nước, ý thức dân tộc, tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, tình nhân ái, yêu thương con người. Đây là truyền thống văn hóa Việt Nam, nói lên căn cốt tinh thần nhân văn, nhân ái của người Việt, đồng thời cũng là vốn xã hội cho quá trình phát triển đất nước và thể hiện sâu sắc tính công dân của xã hội Việt Nam.

#### *4.1.2. Nhận thức về xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay*

Trong quá trình phát triển xã hội, với việc lấy học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, tư tưởng “pháp quyền nhân nghĩa” của Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã lấy nhân dân làm mục tiêu cho các hành động của mình. Điều này có nghĩa là mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội... diễn ra trong xã hội đều vì lợi ích của nhân dân, đều đảm bảo cho mọi người được hưởng các quyền cơ bản, được phát triển tự do và hoàn thiện nhân cách của mình. Nhờ đó, đã tạo môi trường tư tưởng, chính trị, nhận thức để hoàn thiện các hình thức tổ chức xã hội khác nhau, trong đó có XHDS.

Điều này còn được dựa trên sự tiếp nối của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

Những điều kiện và tình hình trong và ngoài nước này đã dẫn đến sự thay đổi trong quan điểm, hành động của Đảng và Nhà nước về XHDS nhất là đối với các tổ chức đoàn thể. Những thay đổi này được thể hiện trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc từ Đại hội VI đến nay. Ngoài ra, sự thay đổi về mặt nhận thức của các vị Lãnh đạo Đảng, những người làm công tác nghiên cứu cũng đã cho thấy XHDS Việt Nam đang hình thành, tồn tại, phát triển với những đặc điểm cụ thể của mình.

#### *4.1.3. Đặc điểm xã hội dân sự Việt Nam*

*Thứ nhất*, xã hội dân sự Việt Nam đang hình thành, phát triển trong mối tương quan chi phối của nền KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng cộng sản và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là điểm khác biệt cơ bản so với những mô hình XHDS hình thành, phát triển trong một nhà nước tư sản; *Thứ hai*, do tồn tại, phát triển trong điều kiện chính trị, xã hội đặc thù như trên nên XHDS Việt Nam cũng mang nét đặc thù riêng, điều này càng được thể hiện rõ qua tính chất, hoạt động, cách thức tổ chức, liên kết, vận hành của XHDS ở Việt Nam; *Thứ ba*, về bản chất XHDS Việt Nam mang tính nhân dân sâu sắc.

Có thể khẳng định rằng: XHDS Việt Nam đã và đang có nhiều những biểu hiện cụ thể, hoạt động sôi nổi trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và góp phần nhất định vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, thực tế XHDS Việt Nam vẫn còn một số vấn đề đặt ra: 1- Số lượng tổ chức mang hơi hướng/tính chất của XHDS thì nhiều nhưng lại có quy mô nhỏ lẻ, giới hạn trong phạm vi hoạt động tại địa phương; 2- chủ yếu giải quyết các vấn đề trước mắt chứ chưa mang tính dài hạn, dài hơi, tính phản biện, tính giám sát chính sách thấp, chưa có sự độc lập căn bản như một XHDS phải có; 3- chưa có văn bản pháp lý công nhận về XHDS. Điều này cho thấy sự đứt đoạn trong công tác quản lý xã hội của nhà nước mà nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện. Như vậy, vấn đề căn bản nhất của XHDS Việt Nam là việc làm sao phát huy được những nhân tố vốn có (tính nhân dân, tính cộng đồng, số lượng tổ chức XHDS trên cả nước...), xây dựng những cơ sở pháp lý cần thiết để xác lập một XHDS lành mạnh vì sự ổn định chung của xã hội và thúc đẩy sự phát triển của Việt Nam.

### **4.2. Vai trò của xã hội dân sự đối với việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay và một số vấn đề đặt ra**

#### *4.2.1. Một số thành tựu đạt được*

*4.2.1.1. Xã hội dân sự thúc đẩy, mở rộng không gian dân chủ cho việc thực hiện quyền con người*

Để đánh giá về sự tiến bộ của dân chủ, cũng như việc hiện thực hóa các quyền con người trên cơ sở của dân chủ và thể hiện sự gắn kết giữa dân chủ và quyền con người, có nhiều tiêu chí khác nhau, nhưng nổi bật nhất là tiêu chí quyền con người và quyền tham gia vào cộng đồng, vào các hoạt động chính trị xã hội, vào hệ thống kinh tế. Do vậy, việc bảo đảm quyền con người là bảo đảm dân chủ và những người bảo hộ quyền con người thực sự là những nhà bảo lãnh cho dân chủ.

*Thứ nhất*, xã hội dân sự Việt Nam ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động, hình thức tổ chức, tập hợp lực lượng, thúc đẩy vai trò của người dân trong các hành động xã hội; *Thứ hai*, trong các phong trào cụ thể, các tổ chức xã hội dân sự đã phát huy vai trò của mình, góp phần mở rộng không gian hoạt động cho người dân; *Thứ ba*, với sự hoạt động ngày một chủ động, độc lập, mạnh mẽ và một hệ thống thông tin ngày một đầy đủ hơn, các cá nhân, tổ chức xã hội dân sự đã tham gia ngày càng nhiều hơn vào các công việc của xã hội, tạo nên các diễn đàn của công chúng để thực hiện các quyền của mình.

#### *4.2.1.2. Xã hội dân sự tham gia vào quá trình góp ý, xây dựng chính sách về quyền con người*

Các cá nhân, tổ chức XHDS Việt Nam đang tiến hành hàng loạt các hoạt động như sử dụng các quan hệ cá nhân, quan hệ với tổ chức, sử dụng các phương tiện truyền thông như báo chí, mạng xã hội... và cộng đồng để tác động đến Nhà nước và dư luận xã hội nhằm đạt được các mục tiêu về chính sách trong việc hoàn thiện môi trường pháp lý bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Bên cạnh đó, hàng loạt các cuộc vận động chính sách được tiến hành dưới nhiều hình thức khác như báo cáo về tình hình thực thi các công ước quốc tế về quyền con người cho các tổ chức nhân quyền quốc tế được các tổ chức XHDS Việt Nam tiến hành

#### *4.2.1.3. Vai trò của xã hội dân sự trong việc giám sát thực hiện quyền con người*

Ở một vị thế nào đó, các tổ chức XHDS tương đối độc lập, khách quan, hoạt động vì lợi ích xã hội, cho nên nó đóng vai trò quan trọng trong công tác tư vấn, phản biện và giám sát chính sách nói riêng và hệ thống chính trị nói chung. Đây là một cơ chế đặc thù của XHDS trên thế giới trong việc thực hiện quyền con người và ở Việt Nam không phải là ngoại lệ. Hiện nay, các tổ chức XHDS ngày càng được chính phủ trao nhiều quyền hơn trong việc cung cấp các dịch vụ công, xây dựng hệ thống pháp luật và giám sát việc thực hiện các tiến trình phát triển của xã hội, trong đó có việc thực hiện quyền con người.

#### *4.2.1.4. Xã hội dân sự đẩy mạnh quá trình cải biến nhận thức và hành động của người dân trong việc thực hiện quyền con người*

Ở Việt Nam, việc giáo dục về quyền con người là nhằm củng cố nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố cho mục tiêu dân giàu, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, và hướng tới định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, việc giáo dục quyền con người ở Việt Nam cũng dựa trên sự tôn trọng các công ước quốc tế về quyền con người. Điều này đồng thời làm mở rộng hơn cơ hội hợp tác giữa Việt Nam với các nước khác trên thế giới trong quá trình toàn cầu hóa, bên cạnh các chiến lược hợp tác về kinh tế, xã hội khác.

#### *4.2.2. Những vấn đề đặt ra trong việc phát huy vai trò của xã hội dân sự đối với việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam hiện nay*

##### *4.2.2.1. Những vấn đề về mặt nhận thức*

*Một là*, chưa có sự đồng thuận trong quan điểm về XHDS ở Việt Nam. Đồng thời, chưa có sự nhận thức nhất quán giữa cơ quan nhà nước và giới nghiên cứu về vấn đề này.

*Hai là*, ở một số nội dung chưa có sự thống nhất về điểm gặp nhau giữa tiêu chuẩn tình hình thực hiện nhân quyền của quốc tế và Việt Nam, tức là chưa có sự thống nhất giữa cái phổ biến và cái đặc thù.

*Ba là*, tầm quan trọng của quyền con người chưa được nhận thức, quan tâm đầy đủ ở một số cấp, ngành, quan chức, cán bộ chính sách, người dân.

##### *4.2.2.2. Những vấn đề về nguồn lực*

*Một là*, về hệ thống pháp lý, chúng ta hiện chưa có văn bản nào quy định trực tiếp về vai trò, chức năng của XHDS.

*Hai là*, về tài chính, hầu hết các tổ chức XHDS ở Việt Nam đều ở tình trạng thiếu hụt về tài chính, nguồn tài chính khá hạn hẹp, không ổn định và bị lệ thuộc vào các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, sự đóng góp của các thành viên.

*Ba là*, về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính phủ, các bộ, ban ngành, nhân dân và các tổ chức XHDS chưa toàn diện, chưa đi vào các vấn đề cụ thể như pháp luật, chính sách quyền con người, hay vấn đề về thành lập tổ chức XHDS, giám sát, phản biện xã hội, v.v.. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa chính quyền địa phương và trung ương chưa chặt chẽ, dẫn đến sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện quyền con người thông qua các hoạt động chính trị, xã hội còn hạn chế.

##### *4.2.2.3. Những vấn đề về đặc điểm, hoạt động, cơ cấu tổ chức của XHDS Việt Nam*

*Một là*, tính độc lập của các tổ chức XHDS Việt Nam không cao, phụ thuộc nhiều vào sự chỉ đạo từ trên xuống và chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng phân chia, nên nhiều tổ chức khá bị động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, khả năng giám sát, phản biện bị hạn chế

*Hai là*, cách thức vận hành, tổ chức hoạt động, quản lý của các nhóm XHDS chưa thực sự chuyên nghiệp, chưa được tổ chức chặt chẽ, hoạt động

mang tính dàn trải hình thức, thiếu hiệu quả. Sự liên kết, phối hợp giữa các TCXHDS nói chung và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nhân quyền nói riêng là chưa chặt chẽ.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động góp ý, xây dựng chính sách mới chỉ dừng ở việc lồng ghép vào các lĩnh vực hoạt động dự án, chủ yếu ở cấp xã với hình thức kiến nghị đề xuất trong báo cáo, hoặc trong các buổi tổng kết đánh giá kết quả thực hiện dự án.

### **4.3. Một số đề xuất, kiến nghị về vai trò của xã hội dân sự với việc thực hiện quyền con người**

#### *4.3.1. Kiến nghị về mặt nhận thức*

*Thứ nhất*, về phía Đảng, Nhà nước và các cơ quan quản lý về xã hội dân sự cần xác định cụ thể và phân định rõ ràng chức năng lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước nhưng đồng thời tạo dựng cơ chế kết hợp linh động nhằm phát huy vai trò của các CSO; hoạt hóa hệ thống các CSO vì mục tiêu phát triển của chính người dân và vì mục tiêu chung của đất nước bằng việc thúc đẩy hoạt động của các tổ chức đoàn thể, kết hợp các đoàn thể thành tổ chức có mạng lưới rộng và quy mô lớn hơn; xác định mâu thuẫn, vấn đề có thể nảy sinh giữa Nhà nước, XHDS và KTTT qua việc nghiên cứu, cảnh báo... và những giải pháp cho nó. *Thứ hai*, về phía các tầng lớp trong xã hội cần đẩy mạnh việc nhận thức của các tổ chức xã hội về vai trò của các tổ chức XHDS. Cần trang bị nhận thức về quyền con người và thực hiện quyền con người cho mọi đối tượng trong xã hội, nhất là đội ngũ cán bộ công quyền trong hệ thống chính trị; Thúc đẩy việc nhận thức về vai trò xóa đói giảm nghèo, về vai trò là vốn xã hội trên toàn xã hội. *Thứ ba*, về phía các tổ chức xã hội dân sự: Đẩy mạnh việc nhận thức về vai trò của XHDS với chức năng phản biện chính sách nhà nước để chính những người phản biện đó trở thành người thụ hưởng thành quả của chính sách; cần đẩy mạnh việc nhận thức của các tổ chức XHDS, nhất là các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quyền con người về cái gọi là chủ thể trực tiếp của quyền con người.

#### *4.3.2. Kiến nghị về mặt tổ chức, quản lý*

*Thứ nhất*, về phía Nhà nước: Tạo môi trường pháp lý cho việc thành lập, hoạt động của các CSO; Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền con người và các hệ thống luật nói chung để đảm bảo quá trình thực hiện quyền con người. đẩy mạnh quá trình tôn trọng tự do, bình đẳng cá nhân và những quyền cơ bản khác của cá nhân trong xã hội; Xác định rõ hơn vai trò điều tiết của nhà nước, cơ chế thị trường tự vận hành, tạo áp lực cho đổi mới, nâng cao vai trò sáng tạo, chủ động, tự chủ của các đơn vị kinh tế. *Thứ hai*, về phía các tổ chức xã hội dân sự: Xác định rõ mục tiêu và lĩnh vực hoạt động, đánh giá lại cơ cấu tổ chức, môi trường và ảnh hưởng của mình để từ đó có biện pháp hành động phù hợp; Cần xây dựng một mạng lưới các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nhân quyền ở Việt Nam; Tăng cường vai trò



của truyền thông trong việc cung cấp thông tin, tạo ra các diễn đàn xã hội rộng lớn làm điều kiện cho việc thảo luận xã hội tốt hơn, tạo sự đồng thuận cho các vấn đề còn tranh cãi.

#### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 4**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận chung về vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người, chúng tôi khẳng định rằng các yếu tố của XHDS đã được hình thành từ lâu trong lịch sử phát triển của xã hội Việt Nam và các nội hàm của hình thái tổ chức xã hội này rất gần với mục tiêu phát triển đất nước mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra từ ngày đầu xây dựng một chế độ dân chủ cộng hòa và ngày nay được Đảng và nhà nước ta kế thừa phát triển trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Từ những đặc điểm đó, chương 4 của luận án đã khảo sát bước đầu vai trò của XHDS đối với một số khía cạnh của việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam và nhận thấy, trong việc thực hiện quyền con người quan trọng nhất là việc hiện thực hóa các chính sách về nhân quyền và việc giám sát quá trình thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người thì người dân Việt Nam thông qua hoạt động của các tổ chức XHDS đã ngày càng chủ động hơn trong việc thực hiện các quyền tự do kinh tế, xã hội, dân sự, chính trị, văn hóa. Họ tham gia nhiều hơn vào các công việc của xã hội từ những hoạt động đòi hỏi trình độ và khả năng chuyên môn như vận động chính sách, giám sát chính sách, đến các hoạt động thiện nguyện, cộng đồng; họ ngày càng ý thức được quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình với bản thân mình và với cộng đồng. Về phía chính quyền, XHDS cũng làm cho cơ chế hoạt động của nhà nước minh bạch và dân chủ hơn, cơ chế giải trình, giám sát bước đầu được công khai đến toàn thể nhân dân, tạo không gian dân chủ cho người dân phát huy được vai trò của mình. Song, cũng cần phải thẳng thắn nhìn nhận rằng, những thành tựu kể trên mang ít tính thực tiễn, mặc dù cũng đã có những kết quả được đong đếm về mặt thực tiễn nhưng nhìn chung vẫn còn khá hình thức. Rõ ràng là khoảng cách từ nhận thức đến hành động của XHDS còn khá xa, điều này cũng xuất phát từ đặc thù của xã hội Việt Nam chưa cởi mở hoàn toàn với XHDS, chưa có chính sách điều chỉnh và phát huy khả năng, vai trò của thành tố này. Đồng thời, bản thân XHDS cũng chưa thực sự khẳng định được vị trí của mình trong quá trình phát triển xã hội nói chung. Do đó, từ những nghiên cứu này, luận án cũng đã đưa ra một số định hướng phát triển XHDS Việt Nam trong tương lai và một hệ thống các giải pháp về nhận thức, về thể chế, về tổ chức quản lý, văn hóa nhằm đẩy mạnh vai trò, hoạt động của XHDS, để XHDS có những đóng góp thiết thực cho quá trình thực hiện quyền con người nói riêng và quá trình phát triển xã hội nói chung.

#### **KẾT LUẬN CHUNG**

Quyền con người là một vấn đề sâu xa, căn bản trong nghiên cứu con người. Sự phát triển của quyền con người một mặt gắn liền với những hoàn cảnh, điều kiện lịch sử và sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc và toàn thể loài người; mặt khác gắn liền với các học thuyết triết học về quyền con người, về bản chất con người, đóng vai trò là cơ sở, tiền đề lý luận cho sự hình thành và phát triển của quyền con người. Cùng với sự phát triển của lịch sử xã hội, khái niệm quyền con người ngày càng được chia sẻ ở cấp độ toàn cầu, nó được coi như một nền tảng cho các quốc gia của cộng đồng quốc tế, các tổ chức quốc tế và các phong trào xã hội, tất cả đều với tư cách thành viên của xã hội quốc tế. Với nhận thức như vậy, hiện nay, trên toàn thế giới việc hiện thực hóa các quyền con người đã được ghi nhận và đảm bảo thông qua các văn kiện, công ước, chương trình quốc tế về quyền con người. Các quốc gia, các tổ chức quốc tế, phong trào xã hội và mỗi người dân đang rất tích cực và nỗ lực trong việc thực thi các công ước này và biến quyền con người thành phương tiện mà mọi người có thể sử dụng như một công cụ để biến đổi xã hội.

Trong quá trình đó, bên cạnh vai trò chủ thể nghĩa vụ quyền của nhà nước, luận án đã chỉ ra XHDS cũng là một trong những nhân tố quan trọng trong việc hiện thực hóa các quyền con người, làm giảm thiểu những vi phạm về quyền con người ở cả cấp độ quốc tế và quốc gia. Vai trò này của XHDS xuất phát từ chính đặc điểm cấu thành, bản chất và mục đích hoạt động của XHDS đều rất gần với những gì mà quyền con người hướng tới ở cả động cơ và mục đích. Do vậy, phát huy vai trò của XHDS đối với việc thực hiện quyền con người chính là thúc đẩy các yếu tố tự do, dân chủ, bình đẳng và tự nguyện, tình nguyện trong đời sống xã hội. Nhờ vậy, XHDS đang trở thành một mạng lưới toàn cầu với sức ảnh hưởng vô cùng mạnh mẽ. Song, chính việc mở rộng phạm vi hoạt động với sự khó kiểm soát trong quản lý, và những khác biệt trong nhận thức về vấn đề thực hiện quyền con người ở mỗi quốc gia đã làm cho quá trình này của XHDS gặp nhiều khó khăn, thách thức về hệ thống pháp lý, tính hiệu quả trong công tác giám sát chính sách về quyền con người của nhà nước, hay hàng loạt các mâu thuẫn nảy sinh giữa cộng đồng quốc tế và chính phủ các nước trong vấn đề nhân quyền, việc đưa ra các điều kiện nhân quyền vào các chương trình hỗ trợ phát triển; giá trị phổ biến và giá trị bản địa trong tương quan giữa quyền con người và luật pháp quốc gia sở tại. Rõ ràng là phải nhìn nhận một cách khách quan rằng việc thực hiện quyền con người từ lý thuyết đến thực tế là một quá trình khó khăn và lâu dài. Tương lai của quyền con người trên thế giới vừa là trách nhiệm và nghĩa vụ của cộng đồng quốc tế, của mỗi quốc gia, mỗi chủ thể trên nền tảng phát huy phẩm chất của mỗi cá nhân người, vừa là sự thấu hiểu điều kiện đặc điểm đặc thù về lịch sử, tôn giáo, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị ở mỗi khu vực, đất nước, nhưng đồng thời cũng đã khẳng định trách

nhệm của tất cả các quốc gia trong việc thực hiện các quyền con người. Do đó, việc tồn tại những khác biệt về tôn giáo và văn hóa không được sử dụng như một cái cớ để không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế về quyền con người. Do vậy, triển vọng phát triển của nước ta trong việc thực hiện quyền con người nói riêng và phát triển xã hội nói chung sẽ một phần tùy thuộc vào chỗ chúng ta phát huy và thực hành dân chủ đến đâu, hay nói cách khác là chúng ta xây dựng, phát triển XHDS thế nào.

Với những đặc thù của mình, XHDS Việt Nam đang trong quá trình hình thành, phát triển mạnh mẽ và là một yếu tố quan trọng trong quá trình thực hiện quyền con người, trong quá trình vận động tiến lên của xã hội. Dựa trên tính độc lập tương đối của mình so với nhà nước, thị trường, XHDS với các hành động tư vấn, trợ giúp pháp lý, tạo các khoảng không gian công cộng, lợi ích công cộng tham gia, thực hiện các thỏa thuận, đàm phán, v.v.. đã tạo nên cơ chế linh hoạt để các công dân phát huy khả năng của mình, thực hiện quyền, trách nhiệm với xã hội. XHDS đã góp phần thúc đẩy nhà nước hiện thực hóa các công ước quốc tế về quyền con người, giúp nhà nước trong việc hoàn thiện chính sách, tạo không gian dân chủ cho người dân thực hiện quyền của mình, là một kênh độc lập để phản biện các vấn đề liên quan đến quyền con người, nâng cao nhận thức của mọi người về nhân quyền. Song, quá trình này cũng gặp nhiều khó khăn từ phía chính quyền, khó khăn từ chính các tổ chức XHDS nên chưa phát huy hết được vai trò của XHDSVN trong việc thực hiện quyền con người. Điều này cũng phản ánh xã hội nói chung đang chuyển đổi về mọi mặt dù ở lĩnh vực nào chúng ta cũng mới ở mức độ nhập môn, vừa học vừa làm, vừa làm vừa sửa, nhất là khu vực XHDS, nhưng có thể thấy đó là một khu vực xã hội đầy năng động, nhiệt huyết và có thể tự do lựa chọn phát triển nó trên cơ sở lựa chọn các yếu tố phù hợp với xã hội Việt Nam và phát huy nó nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội.

Do đó, muốn cơ chế này phát huy được vai trò của mình, về căn bản, nó đòi hỏi sự điều hành, quản lý của nhà nước. Sức mạnh của nhà nước là ở chỗ nhà nước thừa nhận, ủng hộ, chia sẻ và tạo ra môi trường có khả năng cho phép, trợ giúp các thiết chế khác nó phát triển trong đó có các giá trị cốt lõi của XHDS nhằm duy trì đời sống cộng đồng. Có nghĩa là nhà nước phải đặt ra các chuẩn mực, cấp độ đảm bảo cho xã hội tự do, hòa bình, an ninh và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho công dân, các cá nhân, tổ chức, nhóm xã hội... để họ có thể phát triển đầy đủ năng lực, khả năng, phát huy được phẩm chất của chính mình. Đồng thời, phải thừa nhận, bảo vệ, cho phép các cá nhân, nhóm cộng đồng trong XHDS được tham gia một cách đầy đủ vào sự phát triển toàn diện của xã hội, từ đó, thúc đẩy các khả năng chức năng của họ. Về điều này, XHDS và nhà nước có thể trùng nhau ở nhiều điểm, nhưng phần giao nhau, khác nhau ở đây là nhà nước cung cấp sự ổn định an ninh và những đảm bảo mang tính thể chế và XHDS cung cấp vốn xã hội, tinh thần đoàn kết, sự chủ động liên kết xã hội, tinh thần thiện nguyện, vì lợi ích cộng đồng và những giá

trị đạo đức tốt đẹp khác kết tinh từ những những giá trị cốt lõi của cá nhân, gia đình, cộng đồng. Đây này chính là những giá trị nhân quyền căn bản, trên cơ sở đó XHDS và quyền con người đã gặp nhau ở điểm này. Những giá trị nhân quyền đã được lồng vào lý thuyết và hành động của XHDS hiện đại. Không phải ngẫu nhiên mà quan điểm của một xã hội hiện đại lại được dẫn dắt bởi chính hệ thống những nguyên tắc đạo đức được nêu ra trong Tuyên ngôn nhân quyền thế giới. Quan điểm được chia sẻ dựa trên một tập hợp các giá trị chung là tự do, công lý và giải quyết hòa bình những tranh chấp, tiến bộ xã hội và tiêu chuẩn sống tốt hơn bình đẳng, khoan dung và nhân phẩm, những giá trị đã thúc đẩy, cổ vũ con người qua nhiều thế kỷ.

## **CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ**

- 1. - Đa dạng văn hóa – yếu tố quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững trong quá trình toàn cầu hóa**, đăng trên Sách Nghiên cứu và giảng dạy Triết học trong thời đại ngày nay, Nxb Chính trị - Hành chính, năm 2012, tr.126-133.
- 2. - Vai trò của xã hội dân sự đối với việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp**, đăng trên tạp chí Triết học số 7 năm 2013, tr 80-89.
- 3.- Thực hiện quyền con người – yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển xã hội bền vững**, đăng trên Tạp chí Triết học số 9 năm 2014, tr 57 – 65.
- 4.- Thực hiện quyền con người ở Việt Nam: Thành tựu và một số vấn đề đặt ra**, đăng trên tạp chí Triết học số 11 năm 2015, tr 76-83.